TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST
Ngày 23-3-2023
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhơn

Ông Phạm Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thảo Vân Linh - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2021, về việc: *"Ly hôn"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/4/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/5/2022; Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 109/TB-TA ngày 01/3/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2023/QĐST-HNGĐ ngày 09/3/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Võ Cả A – sinh năm 1965; cư trú tại số 117/7 đường N, thuộc tổ 01, phường N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy D – sinh năm 1970; cư trú tại 34118 11th A, WA 98023-7078, USA; địa chỉ liên hệ số 10102 B, WA 98499, USA.

(Ông Võ Cả A có mặt, bà Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/7/2021, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là ông Võ Cả A trình bày:*

Trước năm 1990, ông và bà Nguyễn Thị Thùy D đã quen biết, tìm hiểu nhau. Năm 1990, ông và bà D vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Đến năm 1991, ông và bà D về Quảng Ngãi đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt

là UBND) xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/6/1991, nhưng chưa tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, ông và bà D vào lại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Do gặp khó khăn trong công việc, nên ông về Quảng Ngãi sinh sống; bà D tiếp tục ở lại Thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó, bà D quen với ông Võ H (nay là chồng của bà D) và bà D đã sang Hoa Kỳ sinh sống từ năm 1993 đến nay. Ông và bà D chỉ đăng ký kết hôn, nhưng chưa tổ chức lễ cưới và cũng chỉ chung sống với nhau như vợ chồng một thời gian ngắn, nên không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được. Hiện, ông và bà D đều đã có gia đình riêng, để ổn định cuộc sống của cả hai, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Bà Nguyễn Thị Thùy D không có văn bản trình bày ý kiến, mặc dù Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng cho bà D.*

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng theo quy định tại Điều 28, 68, 98, 105, khoản 2 Điều 220, Điều 474, 476 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp; xác định tư cách người tham gia tố tụng; tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho các đương sự; chuyển giao hồ sơ văn bản đến Viện kiểm sát đúng quy định; về thu thập chứng cứ và thời hạn chuẩn bị xét xử.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn: Tòa án đã áp dụng biện pháp ủy thác tư pháp (02 lần), tuy nhiên không tống đạt được cho bà D. Ngày 28/02/2023, Tòa án thực hiện tống đạt theo đường dịch vụ bưu chính đến địa chỉ của bà D đang cư trú ở nước ngoài, kết quả báo phát cho thấy ngày 06/3/2023 các thủ tục tố tụng của vụ án đã được giao đến địa chỉ của bà D. Đến nay Tòa án vẫn chưa nhận được bản trình bày ý kiến của bà D. Căn cứ khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà D là đúng quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 28, 37, 38, 147, 153, 273, 464, 476, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Võ Cả A được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thùy D; về con chung, nợ chung, tài sản chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải chịu chi phí tố tụng khác và án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Thùy D được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thùy D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Cả A và bà Nguyễn Thị Thùy D có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 04/6/1991, nên hôn nhân của ông A và bà D là hợp pháp.

Theo ông A trình bày, sau khi kết hôn, ông và bà D vào Thành phố Hồ Chí Minh làm việc, nhưng do gặp khó khăn trong công việc, nên ông về Quảng Ngãi sinh sống, còn bà D tiếp tục ở lại Thành phố Hồ Chí Minh làm việc. Sau đó, bà D quen với ông Võ H (nay là chồng của bà D) và bà D đã sang Hoa Kỳ sinh sống từ năm 1993 đến nay; giữa ông và bà D chỉ là vợ chồng trên giấy tờ, không còn chung sống như vợ chồng với nhau từ năm 1993 đến nay, hiện cả hai đã có gia đình riêng. Nay, ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu được ly hôn với bà D. Để tạo điều kiện cho cả hai ổn định cuộc sống mới, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông A được ly hôn với bà D.

[2.2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông A xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0007918 ngày 05/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Về chi phí tố tụng khác: Ông A phải chịu 400.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 400.000 đồng theo Biên lai số AA/2018/0007922 ngày 11/8/2021 và Biên lai số 0003209 ngày 02/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông A đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 2.720.000 đồng và chi phí ủy thác tư pháp 190 USD, ông A tự nguyện chịu. Ông A đã nộp và chi phí xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, 38, khoản 4 Điều 147, Điều 153, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235, 266, 271, khoản 1 Điều 273, Điều 464, 476, điểm a khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Cả A được ly hôn bà Nguyễn Thị Thùy D.

2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Ông Võ Cả A xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Ông Võ Cả A phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm ngàn)* theo Biên lai số AA/2018/0007918 ngày 05/8/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông Võ Cả A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng khác: Ông Võ Cả A phải chịu 400.000 đồng *(bốn trăm ngàn*) lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0007922 ngày 11/8/2021 và Biên lai số 0003209 ngày 02/6/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Ông Võ Cả A đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài; chi phí dịch thuật 2.720.000 đồng *(hai triệu bảy trăm hai mươi ngàn*) và chi phí ủy thác tư pháp là 190 USD (*một trăm chín mươi đô la Mỹ*), ông Võ Cả A tự nguyện chịu. Ông Võ Cả A đã nộp và chi phí xong.

Ông Võ Cả A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 *(mười lăm)* ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Thùy D không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 *(một)* tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan